TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST Ngày: 29 – 3– 2022 V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung

2. Ông Nguyễn Minh Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Trương Văn H**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Long An.

Bà O có mặt; ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kiều O: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

Bà O và ông H có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 16/4/2007. Quá trình chung sống, bà O và ông H có 02 con chung tên Trương Thị Thảo N, sinh ngày 10/4/2008 và Trương Thảo V, sinh ngày 29/11/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên vào khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, ông H không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, ông H vay nợ tiêu xài cá nhân dẫn đến chủ nợ đến nhà đòi nợ nhiều lần nên vợ chồng thường xuyên cãi vả, bà O đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông H không thay đổi. Bà O bàn bạc với ông H là về quê của ông H ở huyện T1 để làm ăn nhưng ông H không đồng ý, ông H còn thường xuyên đánh đập bà O. Bà O và ông H đã sống ly thân từ đầu tháng 3/2020 đến nay. Nay, bà O nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn và bà không còn tình cảm gì với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà O yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn H.

- Về con chung: Bà O yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung tên Trương Thị Thảo N, sinh ngày 10/4/2008 và Trương Thảo V, sinh ngày 29/11/2012, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Trương Văn H: Ông H đã được Tòa án nhân dân huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung vụ án: Bà O và ông H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà O trình bày ông H không quan tâm đến vợ và con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng mặc dù bà đã cho ông H nhiều cơ hội để hàn gắn. Bà O và ông H có hai con chung, hai con chung đang sống với bà O và có nguyện vọng sống với bà O. Ông H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà O nên lời trình bày của bà O về tình trạng mâu thuẫn gia đình là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề

nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Trương Văn H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Long An vào năm 2007 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà O khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề con chung, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, ông H cư trú trên địa bàn thuộc huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hoá theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Trương Văn H: Xét thấy, ông H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt ông H.

[3] Về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Trương Văn H:

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, ông H thường xuyên nhậu nhẹt và còn có hành động đánh bà O, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 3/2020. Bà O xác định mâu thuẫn giữa bà và ông H là không thể hàn gắn được, bà không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà O. Quá trình Tòa án giải quyết, ông H cũng không có hành động biểu hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của bà O về tình trạng mâu thuẫn giữa bà với ông H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà O và ông H không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O đối với ông H.

[4] Về con chung: Bà O trình bày hiện bà và ông H có hai con chung Trương Thị Thảo N, sinh ngày 10/4/2008 và Trương Thảo V, sinh ngày 29/11/2012. Khi ly hôn, bà O yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai con chung đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Ông H vắng mặt và không có ý kiến nào phản bác đối với đề nghị của bà O về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà O, bà O được quyền nuôi dưỡng hai con chung tên Trương Thị Thảo N và Trương Thảo V.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà O xác định không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu Toà án giải quyết, ông H không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều O đối với ông Trương Văn H.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với ông Trương Văn H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều O được quyền nuôi dưỡng hai con chung tên Trương Thị Thảo N, sinh ngày 10/4/2008 và Trương Thảo V, sinh ngày 29/11/2012. Ông Trương Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung hiện đang sống với bà O.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010839 ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà O đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Trương Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà O có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn) nơi đăng ký kết hôn *(để ghi vào Sổ hộ tịch)*;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thật